

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016
của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản**

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế, Bộ Tài chính hướng dẫn thu, nộp, quản lý sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản quy định tại Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19/2/2016 của Chính phủ như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn thu, nộp, quản lý sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo Nghị định số 12/2016/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng là các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản; các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân liên quan trong việc quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Điều 2. Phương pháp tính phí

1. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản phải nộp trong kỳ nộp phí được tính theo công thức sau:

$$F = [(Q1 \times f1) + (Q2 \times f2)] \times K$$

Trong đó:

- F là số phí bảo vệ môi trường phải nộp trong kỳ;
- Q1 là số lượng đất đá bóc xúc thải ra trong kỳ nộp phí (m^3);
- Q2 là số lượng quặng khoáng sản nguyên khai thác trong kỳ (tấn hoặc m^3);
- f1 là mức phí đối với số lượng đất đá bóc xúc thải ra: 200 đồng/ m^3 ;
- f2 là mức phí tương ứng của từng loại khoáng sản khai thác (đồng/tấn hoặc đồng/ m^3);
- K là hệ số tính phí theo phương pháp khai thác, trong đó:
 - + Khai thác lộ thiên (bao gồm cả khai thác bằng sức nước như khai thác titan, cát, sỏi lòng sông): $K = 1,05$;
 - + Khai thác hầm lò và các hình thức khai thác khác (khai thác dầu thô, khí thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên và các trường hợp còn lại): $K = 1$.

2. Đối với số lượng đất đá bóc xúc thải ra trong quá trình khai thác than, không thu phí đến hết năm 2017.

3. Số lượng đất đá bóc xúc thải ra (Q1) trong kỳ nộp phí được xác định căn cứ vào tài liệu dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc căn cứ theo báo cáo đánh giá tác động môi trường và các tài liệu liên quan được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Số phí phải nộp đối với số lượng đất đá bóc xúc thải ra phát sinh trong kỳ nộp phí căn cứ vào khối lượng đất đá bóc xúc tính trên khối lượng (tấn hoặc m^3) quặng khoáng sản nguyên khai khai thác trong kỳ.

Ví dụ: Dự án khai thác mỏ quặng sắt tại Bắc Kạn có hệ số bóc trung bình là $0,7 m^3/\text{tấn quặng}$, tháng 6/2016 khai thác được 10.000 tấn quặng sắt thì số phí phải nộp đối với đất đá bóc xúc thải ra của tháng này như sau:

$$10.000 \times 0,7 \times 200 \text{ đồng}/m^3 = 1.400.000 \text{ đồng}$$

Trường hợp trong tài liệu dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ, báo cáo đánh giá tác động môi trường và các tài liệu liên quan không có thông tin về số lượng đất đá bóc xúc thải ra thì việc kê khai, nộp phí căn cứ vào số lượng đất đá bóc xúc thực tế thải ra trong kỳ.

4. Số lượng quặng khoáng sản nguyên khai khai thác trong kỳ (Q2) để xác định số phí bảo vệ môi trường phải nộp là số lượng quặng khoáng sản nguyên khai khai thác thực tế trong kỳ nộp phí, không phân biệt mục đích khai thác (để bán ngay, đem trao đổi, tiêu dùng nội bộ, dự trữ đưa vào sản xuất tiếp theo hoặc mục đích khác) và công nghệ khai thác (thủ công, cơ giới) hoặc vùng, miền, điều kiện khai thác (vùng núi, trung du, đồng bằng, điều kiện khai thác khó khăn, phức tạp). Trường hợp quặng khoáng sản khai thác

phải qua sàng, tuyển, phân loại, làm giàu trước khi bán ra, số lượng quặng khoáng sản nguyên khai khai thác được trong kỳ được xác định trên cơ sở quy đổi từ số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khoáng sản nguyên khai theo tỷ lệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

5. Trường hợp trong quá trình khai thác mà thu được thêm loại khoáng sản khác loại khoáng sản được cấp phép thì người nộp phí phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với quặng khoáng sản (Q2) theo mức thu của loại khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác.

6. Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác Granite làm đá ốp lát, làm mỹ nghệ thì áp dụng mức thu phí quy định tại điểm 1, Mục II Biểu khung mức phí ban hành kèm theo Nghị định số 12/2016/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác Granite cho mục đích khác thì áp dụng mức thu phí quy định tại điểm 15, Mục II Biểu khung mức phí ban hành kèm theo Nghị định số 12/2016/NĐ-CP.

Doanh nghiệp khai thác Granite tự kê khai, nộp phí theo đúng quy định nêu trên. Cơ quan Thuế địa phương phối hợp với cơ quan Tài nguyên và Môi trường địa phương kiểm tra việc thực hiện kê khai, nộp phí theo đúng quy định.

7. Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác đá làm mỹ nghệ theo cả khối lớn thì áp dụng mức thu phí quy định tại điểm 2, Mục II Biểu khung mức phí ban hành kèm theo Nghị định số 12/2016/NĐ-CP.

8. Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng các công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó; trường hợp đất, đá khai thác để san lấp, xây dựng công trình an ninh, quân sự; phòng chống thiên tai, khắc phục, giảm nhẹ thiên tai thì không phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản đó.

Điều 3. Khai và nộp phí

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải nộp hồ sơ khai phí bảo vệ môi trường với cơ quan Thuế quản lý trực tiếp cùng nơi kê khai nộp thuế tài nguyên. Trường hợp trong tháng không phát sinh phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, người nộp phí vẫn phải kê khai và nộp tờ khai nộp phí với cơ quan Thuế. Trường hợp tổ chức thu mua gom khoáng sản phải đăng ký nộp thay người khai thác thì tổ chức đó có trách nhiệm nộp hồ sơ khai phí bảo vệ môi trường với cơ quan thuế quản lý cơ sở thu mua khoáng sản. Thời hạn kê khai phí bảo vệ môi trường với cơ quan thuế chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo. Người nộp phí phải kê khai đầy đủ, đúng mẫu tờ khai và chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kê khai.

2. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là loại khai theo tháng và quyết toán năm. Khai quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản bao gồm khai quyết toán năm và khai quyết toán đến thời điểm chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản, chấm dứt hoạt động thu mua